

Số: 276/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 26 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý công tác thi đua,
khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ; Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh về việc Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Điền*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TD-KT Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, KHTH.

45

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Điền
Lê Điền

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: 225 /SY-SGDĐT

Đắk Nông, ngày 02 tháng 3 năm 2015

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP

**TL.GIÁM ĐỐC
KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thạch

QUY ĐỊNH
Về quản lý công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 276/QĐ-UBND
ngày 26 /02/2015 của UBND tỉnh)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này cụ thể hóa pháp luật của nhà nước về thi đua, khen thưởng hiện hành trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, bao gồm: Hình thức, nội dung tổ chức phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn và tỷ lệ xét khen thưởng, thẩm quyền quyết định và trao tặng; lễ trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của tập thể, cá nhân được khen thưởng; cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; vi phạm và xử lý vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng.

Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không được quy định trong văn bản này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam đang sinh sống, học tập, làm việc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

2. Các cơ quan Đảng, Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

3. Các tổ chức nước ngoài và tổ chức quốc tế; người Việt Nam và người nước ngoài có đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác, cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được;
- c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng;



d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

3. Đối với cá nhân trong một năm:

Chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Chỉ xét đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần đối với khen thưởng theo chuyên đề.

Khi xét khen thưởng cuối năm chỉ đề nghị một hình thức tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

4. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn; không nhất thiết phải khen theo trình tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ), người dân tộc thiểu số và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác; tập thể nhỏ, tập thể vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, hộ gia đình.

5. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

6. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cũng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

7. Khi các cá nhân có cùng điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn ưu tiên theo thứ tự:

a) Dân tộc thiểu số.

b) Nữ.

8. Thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

9. Khi xét khen thưởng cuối năm thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương không tặng giấy khen cho các tập thể, cá nhân thuộc cấp huyện quản lý. Chỉ xét khen thưởng khi tổng kết các phong trào thi đua theo chuyên đề.

Điều 4. Căn cứ xét thi đua, khen thưởng

1. Căn cứ xét thi đua:

a) Phong trào thi đua;

b) Đăng ký thi đua;

c) Thành tích thi đua;

d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ xét khen thưởng:

a) Tiêu chuẩn khen thưởng;

b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;

c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 5. Nghiêm cấm các hành vi sau đây

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi;

2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua;

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng;

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật;

5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Chương II THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1 HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THI ĐUA

Điều 6. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thúc hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong cùng một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết, bình xét các danh hiệu thi đua và gửi báo cáo về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Khi tiến hành sơ, tổng kết đợt hoặc chuyên đề thi đua chủ yếu thực hiện hình thức khen thưởng của cấp phát động thi đua. Chỉ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng khi tổng kết các phong trào thi đua chuyên đề có xây dựng tiêu chí thi đua cụ thể và đăng ký thi đua với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh. Chủ yếu khen thưởng cho đối tượng trực tiếp lao động sản xuất, công tác.

3. Không khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) khi tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện. Phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua. Các chỉ tiêu và nội dung thi đua bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; Đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

Cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động phong trào thi đua có trách nhiệm:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu;

2. Tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm động viên, khích lệ mọi người tự giác, hăng hái thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác, chiến đấu, cần kiệm, sáng tạo, cống hiến sức lực, trí tuệ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, sơ kết, tổng kết công tác thi đua;

4. Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến;

5. Thực hiện tốt chính sách khen thưởng nhằm động viên mọi người tích cực thi đua lao động, sản xuất, học tập, công tác và chiến đấu.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan, bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Đảng, chính quyền về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua. Đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

2. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh về nội dung và tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan thông tin truyền truyền của tỉnh

Các cơ quan thông tin truyền truyền của tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh và các đơn vị có liên quan thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 11. Các danh hiệu thi đua

1. Các danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến.

2. Các danh hiệu thi đua đối với tập thể: Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến, Thôn, bon, buôn, Tổ dân phố văn hóa, Gia đình văn hóa.

Điều 12: Tiêu chuẩn danh hiệu Lao động tiên tiến

1. Danh hiệu Lao động tiên tiến được Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu Lao động tiên tiến được Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Không xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

4. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

5. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến.

6. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến.

7. Đối với cá nhân chuyên công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến, (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu Lao động tiên tiến do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

Điều 13. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu Lao động tiên tiến;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của đơn vị.

3. Cá nhân phải được từ 2/3 số phiếu bầu trở lên (bỏ phiếu kín) tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở mới đủ điều kiện công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu)

4. Tỷ lệ công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở cho cán bộ quản lý trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở của đơn vị quy định như sau:

- Đối với cơ quan hành chính: Không quá 50%;
- Đối với đơn vị sự nghiệp: Không quá 30%;
- Đối với doanh nghiệp: Không quá 30%.

5. Đối với các tập thể thuộc đối tượng xét danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến thì tập thể đó phải đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến thì mới công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở cho cán bộ quản lý.

6. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

Điều 14. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 3 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng trên phạm vi toàn tỉnh và được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương xem xét, công nhận.

2. Cá nhân phải được 90% số phiếu bầu trở lên (bỏ phiếu kín) tính trên tổng số thành viên của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh mới đủ điều kiện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu)

3. Trong năm đề nghị xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh:

a) Đối với cá nhân là Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Lãnh đạo các huyện, thị xã thì đơn vị phải có từ 2/3 số đơn vị trực

thuộc trực tiếp trở lên đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến mới xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

b) Đối với cá nhân giữ chức vụ Trưởng các phòng, ban thuộc các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, các phòng, ban thuộc huyện, thị xã thì phòng, ban đó phải đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc mới xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.

c) Đối với lãnh đạo các đơn vị kinh tế thì năm đề nghị khen thưởng đơn vị phải hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người lao động và nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 15. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, đề nghị UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh trong đó có 6 năm liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

b) Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Thời điểm xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc là năm liên kế với năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ 2.

3. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học của tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá.

4. Cá nhân phải được 90% số phiếu bầu trở lên (bỏ phiếu kín) tính trên tổng số thành của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh mới đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu)

Điều 16. Tiêu chuẩn danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến

1. Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến được Thủ trưởng các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh và tương đương, Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 17: Tiêu chuẩn danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc

1. Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc được Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến";

d) Có cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tỷ lệ đề nghị công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc không quá 40% số tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến của đơn vị.

3. Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc xét tặng những đối tượng sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp tỉnh: Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

c) Đối với cấp huyện: Các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (phường, thị trấn);

d) Đối với đơn vị sự nghiệp: Trường học, Bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng;

Điều 18. Tiêu chuẩn Cờ thi đua của UBND tỉnh

1. Cờ thi đua của UBND tỉnh được Chủ tịch UBND dân tỉnh xét tặng hàng năm cho tập thể là đơn vị dẫn đầu các cụm, khối thi đua đạt các tiêu chuẩn sau:

a. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh;

b. Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác học tập;

c. Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua của UBND tỉnh được Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do UBND tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết.

Điều 19. Tiêu chuẩn Cờ thi đua của Chính phủ

1. Cờ thi đua của Chính phủ do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, lựa chọn không quá 20% số tập thể của tỉnh đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua

UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc;
- b) Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua của tỉnh
- c) Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

2. Cờ thi đua của Chính phủ tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

Điều 20. Tiêu chuẩn danh hiệu thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa

Danh hiệu thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố văn hóa được Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng hàng năm cho thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố theo các tiêu chuẩn quy định tại điều 29 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 21. Tiêu chuẩn danh hiệu Gia đình văn hóa

Danh hiệu Gia đình văn hóa ở xã, phường, thị trấn được Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng hàng năm cho hộ gia đình theo các tiêu chuẩn tại điều 30 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

HUÂN CHƯƠNG; DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC; GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH, GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC; HUY HIỆU

Điều 22. Huân chương

Huân chương do Chủ tịch nước quyết định tặng cho tập thể có nhiều thành tích; tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có công trạng, lập được thành tích hoặc có quá trình cống hiến trong cơ quan, tổ chức, đoàn thể, gồm:

1. Huân chương Sao vàng: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại điều 34, Luật Thi đua, khen thưởng và điều 20 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

2. Huân chương Hồ Chí Minh: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại điều 35, Luật Thi đua, khen thưởng và điều 21 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

3. Huân chương Độc lập hạng nhất, hạng nhì, hạng ba: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại điều 36, 37, 38 và điều 22, 23, 24 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

4. Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba: Xét theo tiêu chuẩn quy định tại điều 42, 43, 44 và điều 28, 29, 30 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 23. Danh hiệu vinh dự nhà nước

Danh hiệu vinh dự nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể có những đóng góp đặc biệt xuất sắc vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gồm:

1. Tinh Anh hùng, Thành phố Anh hùng: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại điều 58a, Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Bà mẹ Việt Nam Anh hùng: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/05/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

3. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 43, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

4. Anh hùng Lao động: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 44, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

5. Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại điều 62, Luật Thi đua, khen thưởng.

6. Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại điều 63, Luật Thi đua, khen thưởng.

7. Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại điều 64, Luật Thi đua, khen thưởng.

8. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú: Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại điều 65, Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 24. Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước

Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại các điều 66, 67, 68 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 25. Huy hiệu

Huy hiệu để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của tỉnh.

Tên Huy hiệu, đối tượng và tiêu chuẩn tặng do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định và phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương.

Mục 2 BẰNG KHEN

Điều 26. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b. Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương;

c. Được tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được 05 lần tặng giấy khen trở lên.

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a. Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp huyện;

b. Công nhân có từ 02 sáng kiến trở lên được Hội đồng Sáng kiến cơ sở công nhận mang lại lợi ích và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

c. Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương hoặc tỉnh phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên;

b. Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c. Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, 05 năm tiếp theo liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng

góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

Điều 27. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh;
- c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;
- b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh;
- c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên đối với khu vực nông thôn, có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đối với khu vực thành thị.

4. Một số quy định chung về đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng Bằng khen:

a) Không đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng việc thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn;

b) Đối các phong trào thi đua do các Bộ, Ban, ngành phát động khi đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen phải có hướng dẫn xét khen thưởng của các Bộ, Ban, ngành.

c) Khen thưởng đối ngoại (tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp cho sự phát triển của địa phương): Đối với tập thể, cá nhân người nước ngoài phải có chủ trương đồng ý của Thường trực Tỉnh ủy; Đối với tập thể, cá nhân trong nước phải có ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh khi đề nghị khen thưởng.

d) Chỉ xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có chủ trương đồng ý của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh và thời gian đề nghị tính theo mốc là 5 hoặc 10 năm.

e) Khi xét khen thưởng chuyên đề, chủ yếu khen tập thể nhỏ và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề. Đối với cán bộ lãnh đạo tham gia trong Ban Chỉ đạo hoặc

Ban Tổ chức thì không xét khen thưởng mà thành tích được tính chung vào nhiệm vụ để xét khen thưởng cuối năm.

5. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các tập thể và cá nhân đạt một trong các thành tích sau:

5.1. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm.

5.2. Các giáo viên, học sinh đạt thành tích cao tại các kỳ thi cấp tỉnh, khu vực, quốc gia và quốc tế, cụ thể:

a) Học sinh đạt giải tại các kỳ thi quốc tế, kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia.

b) Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba các kỳ thi trên Internet: IOE, Violympic cấp quốc gia.

c) Học sinh đạt giải Nhất kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa đối với cấp THPT, THCS; đối với học sinh là dân tộc thiểu số đạt giải Nhất, Nhì, Ba.

d) Giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia các môn văn hóa.

5.3. Các tập thể, cá nhân trong tỉnh đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, giải thi đấu cấp khu vực, quốc gia và quốc tế, cụ thể:

a) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng trong các cuộc thi quốc tế.

b) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc.

c) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc tại giải vô địch quốc gia (nằm trong hệ thống chương trình thi đấu giải quốc gia).

d) Cá nhân đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại giải thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc.

đ) Tập thể giải nhất, nhì toàn đoàn; cá nhân đạt huy chương vàng tại Đại hội thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc.

e) Tập thể đạt giải nhất, nhì, ba toàn đoàn tại Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh.

f) Giải nhất, nhì, ba toàn đoàn (hoặc giải A, B, C) cho tập thể; Huy chương vàng, bạc, đồng (hoặc giải A, B, C) và giải Đạo diễn, diễn viên, tuyên truyền viên xuất sắc cho cá nhân tại Hội thi, Hội diễn, Liên hoan cấp quốc tế.

g) Giải nhất toàn đoàn (hoặc giải A) cho tập thể; Huy chương vàng (hoặc giải A) và giải Đạo diễn, diễn viên, tuyên truyền viên xuất sắc cho cá nhân tại Hội thi, Hội diễn, Liên hoan cấp quốc gia.

5.4. Các Doanh nghiệp và Doanh nhân tiêu biểu hàng năm;

5.5. Các tập thể, cá nhân tiêu biểu đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước hàng năm.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Hiệp hội các doanh nghiệp tỉnh xây dựng quy chế khen thưởng cho các Doanh nghiệp và Doanh nhân tiêu biểu hàng năm.

Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp Cục thuế tỉnh xây dựng quy chế khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước hàng năm.

Mục 3 GIẤY KHEN

Điều 28

Giấy khen để tặng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất, gồm: Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã.

Điều 29

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a. Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- b. Lập được thành tích đột xuất;
- c. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- a. Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- b. Lập được thành tích đột xuất;
- c. Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen tặng cho gia đình

a. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh và tương đương; Chủ tịch UBND cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

b. Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Chương IV
THẨM QUYỀN TRAO TẶNG;
THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 30. Thẩm quyền trao tặng, lễ trao tặng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng hình thức khen thưởng đó.

2. Lễ trao tặng các danh hiệu vinh dự Nhà nước; các giải thưởng, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ' được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua, nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khác nước ngoài.

Điều 31. Quy định về thủ tục trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng, điều 53 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014.

Điều 32. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ xét danh hiệu thi đua gồm:

- a. Văn bản đề nghị xét danh hiệu thi đua;
- b. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ);
- c. Biên bản bình xét thi đua;
- d. Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, chiến sĩ thi đua toàn quốc;
- e. Bảng chấm điểm của các thành viên trong các cụm, khối thi đua trong trường hợp đề nghị tặng cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

- a. Văn bản đề nghị khen thưởng;
- b. Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể (mẫu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ);
- c. Biên bản bình xét khen thưởng;
- d. Chứng nhận của hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong trường hợp đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động các hạng...
- e. Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương lao động các hạng...

3. Số lượng hồ sơ:

a. Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng: 2 bản chính, không đóng tập.

b. Hồ sơ đề nghị Trung ương khen thưởng : 5 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng, 6 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng, đóng tập. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các cá nhân là lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh gửi thêm 1 bản báo cáo đề nghị y.

4. Những trường hợp được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

a. Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;

b. Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c. Thành tích, công trạng rõ ràng.

Điều 33. Thời gian nộp hồ sơ khen thưởng

Hồ sơ đề nghị khen thưởng các đơn vị gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ, thời gian quy định như sau:

a. Đề nghị khen thưởng thường xuyên: Chậm nhất trước ngày 31/01 hàng năm, riêng đối với ngành Giáo dục chậm nhất trước ngày 15/7 hàng năm.

b. Đề nghị khen thưởng theo chuyên đề trước ngày sơ kết, tổng kết ít nhất 12 ngày (không tính thời gian xin chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh)

c. Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh không nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng sau thời gian quy định tại khoản a điều này. Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh đối với trường hợp đơn vị nộp hồ sơ không đúng theo thời gian quy định.

Chương V

QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 34. Nguồn và mức trích quỹ

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính

Điều 35. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và khoản 1 Điều 4 Thông tư 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài Chính.

1. Chi cho in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm các kỷ niệm chương, huân chương, huy chương, huy hiệu, cờ thi đua, khung bằng khen, giấy khen, hộp đựng huân, huy chương, kỷ niệm chương, huy hiệu.

2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

3. Chỉ cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua: Mức trích không quá 20% trong tổng lập Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chỉ cho các nhiệm vụ sau:

a. Chỉ tổ chức các cuộc họp của Hội đồng thi đua, khen thưởng;

b. Chỉ xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua; chỉ tập huấn nghiệp vụ thi đua khen thưởng; chỉ tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

c. Chỉ phát động các phong trào thi đua, khen thưởng theo đợt, chuyên đề, thường xuyên, cao điểm trong ngành, lĩnh vực, trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối; chỉ kiểm tra, chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phong trào thi đua, khen thưởng.

d. Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua.

Điều 36. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 37. Mức tiền thưởng

Thực hiện theo quy định tại các điều Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ

1. Danh hiệu thi đua

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tặng Bằng, Huy hiệu và được thưởng 4,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh được tặng giấy chứng nhận, huy hiệu và được thưởng 3,0 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở được thưởng 1,0 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Lao động tiên tiến được thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu chung.

- Danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc được tặng Giấy chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến được tặng Giấy chứng nhận và được thưởng 0,8 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Gia đình văn hóa được cấp giấy chứng nhận (trường hợp tiêu biểu được kèm theo tiền thưởng 0,1 lần mức lương tối thiểu chung);

- Danh hiệu “Thôn văn hoá”, “Làng văn hoá”, “Ấp văn hoá”, “Bản văn hoá”, “Tổ dân phố văn hoá” được tặng giấy chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ được tặng cờ và được thưởng 24,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh được tặng cờ và được thưởng 15,5 lần mức lương tối thiểu chung.

2. Huân chương các loại

Cá nhân được tặng hoặc truy tặng huân chương các loại được tặng Bằng, Huân chương kèm theo mức tiền thưởng như sau:

- Huân chương Độc lập hạng nhất 15,0 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huân chương Độc lập hạng nhì 12,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huân chương Độc lập hạng ba 10,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huân chương Lao động hạng nhất 9,0 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huân chương Lao động hạng nhì 7,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Huân chương Lao động hạng ba 4,5 lần mức lương tối thiểu chung.

Tập thể được tặng thưởng Huân chương các loại, được tặng thưởng Bằng, Huân chương kèm theo mức tiền thưởng gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

3. Danh hiệu vinh dự nhà nước

- Bà mẹ được tặng hoặc truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng được tặng Huy hiệu, Bằng danh hiệu và được thưởng: 15,5 lần mức lương tối thiểu chung.

- Cá nhân được tặng hoặc truy tặng danh hiệu Anh hùng Lao động được tặng Bằng, Huy hiệu Anh hùng và được thưởng: 15,5 lần mức lương tối thiểu chung.

Tập thể được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động được tặng Bằng, Huy hiệu và kèm theo mức tiền thưởng gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

- Cá nhân được phong tặng danh hiệu: Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân được tặng thưởng Huy hiệu, Bằng khen và mức tiền thưởng 12,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Cá nhân được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú được tặng thưởng Huy hiệu, Bằng khen và mức tiền thưởng 9,0 lần mức lương tối thiểu chung;

4. Bằng khen, Giấy khen

Cá nhân được tặng Bằng Khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Giấy khen các cấp được tặng Bằng, Giấy khen và mức tiền thưởng như sau:

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được tặng Bằng và được thưởng 1,5 lần mức lương tối thiểu chung;

- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được tặng Bằng và được thưởng 1,0 lần mức lương tối thiểu chung;

- Giấy khen quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, Khen thưởng được kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu chung;

- Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã được kèm theo mức tiền thưởng 0,15 lần mức lương tối thiểu chung.

Tập thể được tặng Bằng Khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, Giấy khen các cấp được tặng Bằng, Giấy khen và được thưởng gấp 2 lần mức tiền thưởng đối với cá nhân.

Điều 38. Các quyền lợi khác

Cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, được tặng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, ngoài việc được khen thưởng theo quy định của Nghị định này, được ưu tiên xét lên lương sớm trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu, học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Chương VI

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TẬP THỂ, CÁ NHÂN TRONG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 39. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.
2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.
3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 40. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.
2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.
3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng, tùy từng hình thức khen thưởng, được tặng hiện vật khen thưởng và được hưởng lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.

3. Tập thể được tặng các hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, được sử dụng biểu tượng của các hình thức khen thưởng đó trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

4. Cá nhân, tập thể được khen thưởng có nghĩa vụ bảo quản các hiện vật khen thưởng, không được cho người khác mượn để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Chương VII
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC
THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 42. Nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng bao gồm:

1. Ban hành các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng;
2. Xây dựng chính sách về thi đua, khen thưởng;
3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;
4. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức làm công tác thi đua, khen thưởng;
5. Sơ kết, tổng kết, tặng thưởng các hình thức khen thưởng; đánh giá hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng;
6. Hợp tác quốc tế về thi đua, khen thưởng;
7. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng;
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 43

1. UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng trong phạm vi địa phương mình theo quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2010 của Chính phủ và Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 của

UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh Đắk Nông.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng các danh hiệu thi đua cấp tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh trình cấp trên tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cấp Trung ương. Đối với hình thức khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

Điều 45. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (gọi chung là cấp cơ sở)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở là cơ quan tham mưu cho thủ trưởng các đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở gồm:

a. Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng đơn vị.

b. Số lượng thành viên, thành phần Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở..

4. Cơ quan tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã là thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cùng cấp.

Chương VIII

HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; TƯỚC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 45. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 80 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 46. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với người và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 81 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 47. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 82 và 83 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Điều 48. Thủ tục, hồ sơ tước, thu hồi, phục hồi danh hiệu, hình thức khen thưởng:
Thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 49. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức phát động thi đua, chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh

2. Thủ trưởng Các cơ quan Đảng, Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam có trách nhiệm tổ chức phát động các phong trào thi đua, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phạm vi quản lý để khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng. Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, doanh nghiệp thực hiện nghiêm Quy định này.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

